Số: 44/2026/QĐ-CTUBND
Thời gian ký: 2026-06-15T08:21:58+07:00

Phụ lục

DANH MỤC, THỜI GIAN SỬ DỤNG ĐỂ TÍNH HAO MÒN, TỶ LỆ HAO MÒN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH AN GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 44 /2026/QĐ-CTUBND ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

STT	DANH MỤC	THỜI GIAN SỬ DỤNG ĐỂ TÍNH HAO MÒN (năm)	TỶ LỆ HAO MÒN (% năm)
I	**SẢN PHẨM PHẦN MỀM**		
1	Nhóm phần mềm hệ thống		
1.1	Hệ điều hành: - Hệ điều hành máy chủ. - Hệ điều hành máy trạm/ máy tính cá nhân để bàn. - Hệ điều hành dùng cho thiết bị di động cầm tay. - Hệ điều hành dùng cho thiết bị số khác.	5	20
1.2	Phần mềm mạng: - Phần mềm quản trị mạng. - Phần mềm kết nối mạng. - Phần mềm ứng dụng mạng. - Phần mềm bảo mật và bảo vệ. - Phần mềm máy chủ. - Phần mềm trung gian. - Phần mềm mạng khác.	5	20
1.3	Phần mềm truy vấn và quản lý dữ liệu: - Phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu máy chủ. - Phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu máy khách. - Phần mềm phân loại hoặc danh mục. - Phần mềm phân nhóm. - Phần mềm hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu. - Phần mềm báo cáo cơ sở dữ liệu. - Phần mềm truy vấn và giao diện người dùng cơ sở dữ liệu.	5	20

STT	DANH MỤC	THỜI GIAN SỬ DỤNG ĐỂ TÍNH HAO MÒN (năm)	TỶ LỆ HAO MÒN (% năm)
	- Phần mềm khai phá dữ liệu. - Phần mềm tìm kiếm hoặc truy xuất thông tin. - Phần mềm quản lý siêu dữ liệu. - Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu hướng đối tượng. - Phần mềm máy chủ giao dịch. - Phần mềm phân tích dữ liệu và quản trị thông minh. - Phần mềm quản lý dữ liệu và truy vấn khác.		
1.4	Phần mềm nhúng: - Phần mềm ứng dụng bảo mật (OTP, PKI, MoC sinh trắc học…) trong chip hoặc chipset. - Phần mềm Token FIDO2 & FIDO U2F và Soft Token. - Phần mềm eSIM. - Phần mềm chipset Camera Trí tuệ nhân tạo. - Phần mềm nhúng khác.	5	20
1.5	Phần mềm môi trường vận hành: - Phần mềm hệ thống tập tin. - Phần mềm firmware máy tính. - Phần mềm máy ảo. - Phần mềm môi trường vận hành khác.	5	20
1.6	Phần mềm hệ thống khác	5	20
2	Nhóm phần mềm ứng dụng		
2.1	Phần mềm soạn thảo và chỉnh sửa nội dung: - Phần mềm xử lý văn bản. - Phần mềm bảng tính. - Phần mềm đồ họa hoặc hình ảnh. - Phần mềm trình diễn. - Phần mềm thiết kế mẫu.	5	20

STT	DANH MỤC	THỜI GIAN SỬ DỤNG ĐỂ TÍNH HAO MÒN (năm)	TỶ LỆ HAO MÒN (% năm)
	- Phần mềm tạo video và chỉnh sửa. - Phần mềm tạo trang web và chỉnh sửa. - Phần mềm lên lịch và lập lịch. - Phần mềm quét và đọc ký tự quang học OCR. - Phần mềm xuất bản cho máy tính để bàn. - Phần mềm chỉnh sửa nội dung khác.		
2.2	Phần mềm tra cứu, tìm kiếm, từ điển: - Phần mềm kiểm tra lỗi soạn thảo. - Phần mềm chỉ đường. - Phần mềm từ điển. - Phần mềm danh bạ. - Phần mềm tra cứu, tìm kiếm, từ điển khác.	5	20
2.3	Phần mềm ứng dụng đa ngành: - Phần mềm kế toán tài chính và quản lý nguồn lực doanh nghiệp ERP. - Phần mềm Cổng thông tin điện tử. - Phần mềm chức năng nghiệp vụ cụ thể. - Phần mềm ứng dụng đa ngành khác.	5	20
2.4	Phần mềm ứng dụng chuyên ngành: - Phần mềm cho Chính phủ số. - Phần mềm chuyên ngành giáo dục đào tạo. - Phần mềm chuyên ngành y tế. - Phần mềm chuyên ngành quản lý tài chính, ngân hàng. - Phần mềm chuyên ngành xây dựng. - Phần mềm chuyên ngành giao thông vận tải và logistics. - Phần mềm chuyên ngành thông tin và truyền thông. - Phần mềm trong lĩnh vực nông nghiệp. - Phần mềm trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp khác. - Phần mềm chuyên ngành tài nguyên - môi trường.	5	20

STT	DANH MỤC	THỜI GIAN SỬ DỤNG ĐỂ TÍNH HAO MÒN (năm)	TỶ LỆ HAO MÒN (% năm)
	- Phần mềm chuyên ngành du lịch. - Phần mềm thương mại điện tử. - Phần mềm chuyên ngành khác.		
2.5	Phần mềm ứng dụng cho cá nhân, gia đình: - Phần mềm giải trí điện tử. - Phần mềm gia đình. - Phần mềm ứng dụng cho cá nhân, gia đình khác.	5	20
2.6	Phần mềm ứng dụng khác	5	20
3	Nhóm Phần mềm công cụ		
3.1	Phần mềm môi trường phát triển	5	20
3.2	Phần mềm kiểm thử chương trình	5	20
3.3	Phần mềm biên dịch và dịch ngược	5	20
3.4	Phần mềm quản lý cấu hình	5	20
3.5	Phần mềm tích hợp ứng dụng doanh nghiệp	5	20
3.6	Phần mềm phát triển giao diện đồ họa người dùng	5	20
3.7	Phần mềm phát triển hướng thành phần hoặc đối tượng	5	20
3.8	Phần mềm phân tích yêu cầu và kiến trúc hệ thống	5	20
3.9	Phần mềm phát triển nền tảng web	5	20
3.10	Phần mềm công cụ khác	5	20
4	Nhóm Phần mềm tiện ích		
4.1	Phần mềm quản trị, quản trị từ xa	5	20
4.2	Phần mềm sao lưu hoặc lưu trữ	5	20

STT	DANH MỤC	THỜI GIAN SỬ DỤNG ĐỂ TÍNH HAO MÒN (năm)	TỶ LỆ HAO MÒN (% năm)
4.3	Phần mềm chuyển đổi dữ liệu	5	20
4.4	Phần mềm nén dữ liệu	5	20
4.5	Phần mềm chuyển văn bản thành giọng nói	5	20
4.6	Phần mềm chuyển giọng nói thành văn bản	5	20
4.7	Phần mềm quản trị nội dung: - Phần mềm quản lý tài liệu. - Phần mềm quản lý phiên bản tập tin. - Phần mềm nhúng văn bản. - Phần mềm font chữ. - Phần mềm quản lý tài liệu khác.	5	20
4.8	Phần mềm nhận dạng, xử lý dữ liệu số: - Phần mềm nhận dạng giọng nói. - Phần mềm nhận dạng chữ viết tay. - Phần mềm nhận dạng khuôn mặt. - Phần mềm tải dữ liệu đa phương tiện. - Phần mềm phân tích video dữ liệu lớn và thời gian thực. - Phần mềm nhận dạng, xử lý dữ liệu số khác.	5	20
4.9	Phần mềm điều khiển thiết bị: - Phần mềm máy chủ đĩa compact. - Phần mềm đĩa compact CD hoặc DVD hoặc card âm thanh. - Phần mềm điều khiển Ethernet. - Phần mềm điều khiển card đồ họa. - Phần mềm điều khiển máy in. - Phần mềm bảo vệ màn hình. - Trình điều khiển bộ nhớ. - Trình điều khiển video. - Phần mềm hệ cho thiết bị khác.	5	20
4.10	Phần mềm chữ ký số điện tử	5	20

STT	DANH MỤC	THỜI GIAN SỬ DỤNG ĐỂ TÍNH HAO MÒN (năm)	TỶ LỆ HAO MÒN (% năm)
4.11	Phần mềm tiện ích khác	5	20
5	Các Phần mềm khác	5	20
II	**TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH KHÁC (TRỪ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT)**	5	20